

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/2020/QĐST-HNGĐ

Tam Nông, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2020.
Nguyên đơn: anh Đỗ Văn C - sinh năm 1981
Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: chị Hoàng Thị T - sinh năm 1977
Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ
- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tuyết N - chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
- Căn cứ vào điều 212; điều 213; khoản 3, 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07/8/2020 hoàn toàn là tự nguyện; không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.
- Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Đỗ Văn C và chị Hoàng Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung ch- a thành niên là cháu Đỗ Diệu H - Sinh ngày 19/7/2008 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục. Anh Đỗ Văn C có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 1.000.000đ (Một triệu đồng) / 01 tháng cho đến khi cháu H trưởng thành và lao động tự túc được kể từ tháng 9/2020. Anh C đ- ợc quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con chung không ai đ- ợc quyền cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh Đỗ Văn C và chị Hoàng Thị T thống nhất thỏa thuận chia tài sản như sau:

+ Giao cho anh Đỗ Văn C được sở hữu sử dụng tài sản là 01 chiếc xe máy HONDA biển kiểm soát 19N1 - 075.92 đăng ký xe đứng tên chị Hoàng Thị T trị giá 9.000.000đ (chín triệu đồng). Theo biên bản định giá tài sản ngày 28/7/2020 của Hội đồng định giá UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

+ Giao cho chị Hoàng Thị T được sở hữu và sử dụng tài sản gồm: 01 ti vi son ny 49 inch; 01 âm ly; 01 loa; 01 đầu đĩa; 01 kệ kính để ti vi; 01 tủ lạnh Funiki; 01 bếp ga Koji; 01 téc nước Tân Á; 01 máy bơm nước; 01 nền sân lát gạch đỏ; nền nhà lát gạch hoa; mái nhà lợp tôn; 01 nhà tắm; 01 nhà vệ sinh; 01 bếp củi; hệ thống tường bao. Tổng tài sản trị giá là 55.812.800đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm mười hai nghìn tám trăm đồng). Theo biên bản định giá tài sản ngày 28/7/2020 của Hội đồng định giá UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Toàn bộ tài sản là vật kiến trúc được xây dựng trên diện tích đất 455,8m² , thửa đất số 40, tờ bản đồ số 51, được UBND huyện Tam Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 676251 ngày 24/9/2013. Địa chỉ: Khu 4, xã Thọ Văn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ .

Chị Hoàng Thị T không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Đỗ Văn C.

(Đối với phần tài sản là: 01 nhà cấp bốn và diện tích đất 455,8m² , thửa đất số 40, tờ bản đồ số 51, được UBND huyện Tam Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 676251 ngày 24/9/2013 đứng tên anh C, chị T. Địa chỉ: Khu 4, xã T , huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Anh C, chị T đã tự thống nhất thỏa thuận xác định thửa đất và nhà này là tài sản riêng của chị T có từ trước khi kết hôn với anh C, anh chị đã có biên bản tự thỏa thuận phân chia tài sản ngày 07/8/2020 thống nhất thỏa thuận chị Hoàng Thị T được toàn quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ nhà và diện tích đất trên và không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh C. Chị T có trách nhiệm làm thủ tục pháp lý chuyển quyền sử dụng đất sang tên chị Hoàng Thị T với cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- **Về nợ chung:** Anh Đỗ Văn C và chị Hoàng Thị T thống nhất thỏa thuận như sau: Chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ số tiền nợ tính đến ngày 03/8/2020 là 50.119.343đ (Trong đó 50.000.000đ tiền gốc và 119.343đ tiền lãi) và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/8/2020 đến khi tất toán khoản vay.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật chị T không thực hiện trả tiền cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ thì chị Tú còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

- **Về tài sản riêng:** Không có.

- **Về công sức:** anh C, chị T không yêu cầu.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Anh Đỗ Văn C tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- **Về án phí dân sự:**

+ Anh C tự nguyện chịu 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản và phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

Xác nhận anh C đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002623 ngày 26/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Anh C còn phải nộp thêm 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ Chị Hoàng Thị T tự nguyện chịu 1.395.320đ (Một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Thọ Văn.
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền